

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án “Cơ sở chế biến, sơ chế và bảo quản hàng nông sản”
tại xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
của Công ty cổ phần chế biến nông sản xuất khẩu Đại Lợi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo
vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2850/STNMT-CCBVMT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Sở
Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác
động môi trường của dự án “Cơ sở chế biến, sơ chế và bảo quản hàng nông sản”
của Công ty cổ phần chế biến nông sản xuất khẩu Đại Lợi; Văn bản số 15/CV-
NSDL ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Công ty cổ phần chế biến nông sản xuất
khẩu Đại Lợi về việc chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
821/TTr-TNMT ngày 21 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án “Cơ sở chế biến, sơ chế và bảo quản hàng nông sản” (sau đây gọi là Dự
án) của Công ty cổ phần chế biến nông sản xuất khẩu Đại Lợi (sau đây gọi là Chủ
dự án) thực hiện tại xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương với các nội
dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần chế biến nông sản xuất khẩu Đại Lợi;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Nam Sách;
- UBND xã Nam Trung;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Bản

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án “Cơ sở chế biến, kinh doanh hàng nông sản”
tại xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương của Công ty
cổ phần chế biến nông sản xuất khẩu Đại Lợi
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Cơ sở chế biến, sơ chế và bảo quản hàng nông sản.
- Địa điểm thực hiện: Xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.
- Chủ dự án: Công ty cổ phần chế biến nông sản xuất khẩu Đại Lợi.
- Địa chỉ liên hệ: Xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Diện tích thực hiện Dự án: 29.948,0 m² thuộc xã Nam Trung, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Công suất của Dự án:

- + Sơ chế, bảo quản nông sản (rau, củ, quả các loại): 600 tấn/năm.
- + Chế biến nông sản (rau, củ, quả các loại): 200 tấn/năm.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Quy trình sơ chế, bảo quản nông sản thủ công:

Nông sản → Phân loại, làm sạch sơ bộ tại nguồn → Vận chuyển về khu tập kết tại Dự án → Phân loại → Làm sạch (khô và ướt) → Bảo quản kho lạnh → Xuất hàng.

- Quy trình sơ chế, bảo quản nông sản (bán tự động):

Nông sản (sau khi làm sạch sơ bộ tại nguồn và vận chuyển về Dự án) → Phân loại → Làm sạch khô và ướt → Khử trùng bằng nhiệt độ → Làm nguội → Làm lạnh → Làm khô sản phẩm → Cấp đông IQF → Đóng gói → Đóng thùng → Bảo quản kho lạnh → Xuất hàng.

- Quy trình sấy nông sản (chế biến bán tự động):

Nông sản (sau khi làm sạch sơ bộ tại nguồn và vận chuyển về Dự án) → Làm sạch khô và ướt → Gọt vỏ, thái nhỏ → Khử trùng bằng nhiệt độ → Sấy nóng → Làm nguội → Đóng gói → Xuất hàng.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án

a) Hạng mục công trình

- Hạng mục công trình chính: Nhà xưởng sản xuất + kho số 2: 3.528m²; nhà xưởng sản xuất + kho số 3: 3.528m²; nhà xưởng sản xuất + kho số 4: 3.528m²; nhà giới thiệu và trưng bày sản phẩm (02 nhà x 2 tầng/nhà): 1.500m²; nhà văn phòng (02 tầng): 450,0m²; nhà lò hơi: 1.568m².

- Hạng mục công trình phụ trợ: Cổng: 12m; nhà bảo vệ: 16,0m²; trạm biến áp; bể nước sạch; sân và bãi đỗ xe 6.541 m²; cổng phụ và nhà để xe đạp, xe máy: 180,0m²; hồ cảnh quan và PCCC: 200,0m²; cây xanh: 5.306,0 m².

b) Hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Trạm xử lý nước thải công suất 80 m³/ngày đêm (160,0m²);
- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 18.000 m³/h;
- Hệ thống xử lý khí thải (mùi) khu vực sấy công suất 8.400 m³/h;
- Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường 40 m²;
- Kho chứa chất thải nguy hại 40 m²;
- Kho chứa chất thải sinh hoạt 40 m².

1.4.2. Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động thi công xây dựng hệ thống thoát nước đường gom cạnh Dự án.
- Hoạt động thu dọn mặt bằng (thu dọn sinh khối, nạo vét bùn, bóc lớp phủ bề mặt đối với diện tích đất lúa).
- Hoạt động san lấp mặt bằng, thi công xây dựng các hạng mục công trình và lắp đặt máy móc, thiết bị. Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải.
- Hoạt động vận hành Dự án gồm:
 - + Hoạt động của phương tiện giao thông ra vào Dự án; hoạt động sơ chế, bảo quản hàng nông sản.
 - + Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hàng hóa.
 - + Hoạt động sơ chế, chế biến nông sản.
 - + Hoạt động bảo dưỡng máy móc, thiết bị, nhà xưởng.
 - + Hoạt động của khu trưng bày, giới thiệu sản phẩm.
 - + Hoạt động của lò hơi.
 - + Hoạt động của dàn sấy, tủ sấy.
 - + Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại Dự án và khách hàng.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐCP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với diện tích khoảng 24.195m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Ảnh hưởng của việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất 24.195m² đất trồng lúa 02 vụ.

- Hoạt động thi công xây dựng hệ thống thoát nước đường gom cạnh Dự án: Phát sinh chất thải rắn, bụi, tiếng ồn.

- Hoạt động bóc lớp đất phủ bề mặt, nạo vét mương, ao: Phát sinh đất hữu cơ.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, chất thải: Phát sinh bụi, khí thải; tiếng ồn.

- Hoạt động san lấp mặt bằng: Phát sinh bụi; tiếng ồn.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, lắp đặt máy móc thiết bị: Phát sinh bụi, khí thải; nước thải; chất thải rắn xây dựng; tiếng ồn; chất thải nguy hại; sự cố cháy nổ; tai nạn lao động; ngập úng.

- Hoạt động của công nhân xây dựng: Phát sinh nước thải; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm: Phát sinh bụi, khí thải; tiếng ồn.

- Hoạt động sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản: Phát sinh nước thải; chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại; tiếng ồn; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung; khí thải từ hoạt động lò hơi; mùi từ khu vực sấy; tai nạn lao động; sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung; sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải lò hơi; bùn thải từ bể xử lý khí thải lò hơi.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên và khách hàng: Phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải từ bể phốt, hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trong giai đoạn thi công xây dựng là 2,25 m³/ngày, giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị là 0,45 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hoà tan, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, coliforms.

- Nước thải xây dựng phát sinh từ trộn vữa, vệ sinh dụng cụ thi công khoảng 1,5 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: chất rắn lơ lửng (TSS), đất, cát.

- Nước thải phát sinh từ quá trình rửa xe khoảng 2,4 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: chất rắn lơ lửng (TSS), vẩn dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh với lưu lượng khoảng 6,86 lít/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: chất rắn lơ lửng (TSS), đất, cát.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên khoảng 7,54 m³/ngày (tính cả lao động thời vụ vào thời điểm cao nhất, hoạt động của khu trung bày giới thiệu sản phẩm). Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hoà tan, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, coliforms.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa, làm sạch nguyên liệu khoảng 42,4 m³/ngày (vào thời vụ cao nhất) và trung bình 30 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (COD, BOD₅), các chất dinh dưỡng (N,P), coliform.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh sàn nhà, thiết bị khoảng 5 m³/lần/15 ngày (định kỳ 2 lần/tháng). Thông số ô nhiễm đặc trưng: chất rắn lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (COD, BOD₅), các chất dinh dưỡng (N,P), coliform.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động thi công, lắp đặt các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công phát sinh bụi và khí thải với thành phần chủ yếu là bụi, CO, NO_x, SO₂.

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của phương tiện giao thông vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào Dự án phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải với thành phần chủ yếu là bụi, CO, NO_x, SO₂.

- Bụi phát sinh từ quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu và sản phẩm: Không đáng kể.

- Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi với thành phần chủ yếu là bụi, CO, NO_x, SO₂.

- Mùi phát sinh từ khu vực sấy nông sản.

- Mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải, thùng chứa rác thải: Thành phần khí thải phát sinh gồm: CH₄, H₂S, NH₃, mercaptan,...

- Bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng và hoạt động nấu ăn: Không đáng kể.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động phát quang thực vật, dọn dẹp mặt bằng phát sinh chất thải rắn thông thường khoảng 2,42 tấn. Thành phần chủ yếu là gốc, rễ, cỏ, cây bụi...

- Hoạt động bóc lớp đất hữu cơ bề mặt của đất trồng lúa 02 vụ phát sinh khoảng 7.258,5m³ đất hữu cơ.

- Hoạt động nạo vét bùn đáy mương, ao phát sinh khoảng 218,4 m³ bùn.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phát sinh chất thải rắn xây dựng với khối lượng khoảng 0,27 - 5,46 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu là đầu mẩu sắt thép, dây thép, tôn, gỗ vụn, gạch, đá.

- Hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị phát sinh chất thải rắn với khối lượng khoảng 200 kg. Thành phần chủ yếu là bao bì carton, nilon, thùng xốp.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường thi công phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 15 kg/ngày trong giai đoạn thi công xây dựng và 3 kg/ngày trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị. Thành phần chủ yếu là thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa.

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sơ chế, chế biến nông sản phát sinh chất thải rắn thông thường với tổng khối lượng khoảng 302.960 kg/năm. Thành phần chủ yếu là lá cây, rễ cây, vỏ hành, củ quả không đạt yêu cầu.

- Hoạt động của lò hơi phát sinh tro, xỉ khoảng 650 kg/năm; bùn thải từ quá trình xử lý khí thải 13.200 kg/năm .

- Hoạt động của hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, bể phốt phát sinh bùn thải khoảng 10.000 kg/năm.

- Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh bùn thải khoảng 293.000 kg/năm.

- Hoạt động đóng gói sản phẩm, vệ sinh máy móc thiết bị phát sinh chất thải rắn là bao bì nhựa (đã chứa chất khí thải ra không phải là CTNH) thải 300 kg/năm; giấy và bao bì các tông thải bỏ 2.000 kg/năm; giẻ lau, vải bảo vệ không dính nhiễm thành phần nguy hại 36 kg/năm.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên phát sinh chất thải rắn sinh hoạt khoảng 63 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Thực phẩm thừa, vỏ hộp, giấy, nilon,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị với khoảng 37,63 kg/tháng. Thành phần chủ yếu bao gồm giẻ lau dính dầu, bóng đèn led vỡ hỏng, dầu thải, kim loại thải dính dầu mỡ, chất thải khác như xỉ hàn, đầu mẫu que hàn, vỏ thùng sơn.

b) Giai đoạn hoạt động sản xuất

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất khoảng 511,0 kg/năm. Thành phần chủ yếu: Bóng đèn led thải, linh kiện điện tử thải; pin, ắc quy chì thải; giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm các thành phần nguy hại; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; than hoạt tính bão hòa; bao bì kim loại, bao bì nhựa dính nhiễm thành phần nguy hại.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị tham gia thi công xây dựng, lắp đặt và các phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị.

b) Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; phương tiện giao thông ra, vào Dự án và hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất, hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải.

3.4. Các tác động khác

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ; hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân xung quanh khu vực Dự án và có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, ngập úng,...

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực Dự án.

b) Giai đoạn vận hành

Hoạt động sản xuất của Dự án có thể xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ, sự cố các công trình xử lý chất thải,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với nước thải sinh hoạt: Bố trí 04 nhà vệ sinh di động loại có dung tích 1,2 m³ đặt tại công trường thi công để thu gom, lưu trữ chất thải. Hợp đồng

với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bồn chứa chất thải mang đi xử lý theo đúng quy định.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Bố trí rãnh thu nước tạm xung quanh công trường thi công. Cuối hệ thống thu gom bố trí 03 hố ga lắng cặn (kích thước 1 m x 1 m x 1 m/hố) trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- *Đối với nước thải thi công:*

+ Nước thải rửa xe: Bố trí hố lắng 3 ngăn kích thước 3×2×1m đặt ngầm dưới cầu rửa xe để thu gom nước thải, trước cửa thu vào hố lắng có đặt song chắn bằng lưới sắt để thu gom rác và vãi hút dầu để tách váng dầu trên bề mặt. Nước thải sau khi lắng được tuần hoàn rửa xe, máy móc, tưới nước dập bụi trên công trường thi công, không thải ra môi trường. Vãi thấm hút dầu được thay thế định kỳ 1 tuần/lần, được thu gom, xử lý như chất thải nguy hại. Bùn, cát lắng cặn được nạo vét định kỳ và xử lý cùng chất thải thi công.

+ Nước thải từ quá trình trộn vữa, vệ sinh dụng cụ, thiết bị thi công: Tạo rãnh thoát nước thải thi công, cuối tuyến rãnh bố trí 02 hố ga lắng cặn (kích thước 1m × 1m × 1m) để thu gom nước thải. Nước sau lắng được tái sử dụng rửa dụng cụ, thiết bị thi công, tưới ẩm đường và khu vực thi công, không xả ra hệ thống thoát nước. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để vật liệu xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước tránh gây tắc nghẽn.

b) Giai đoạn vận hành

- Hệ thống thu gom nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh → Bể tự hoại → Bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày đêm của Dự án.

+ Nước thải nấu ăn → Bể tách mỡ → Bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày đêm của Dự án.

+ Nước thải sản xuất → Song chắn rác thô → Bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày đêm của Dự án.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Cột lọc áp lực → Hệ thống thoát nước đường gom của khu vực → Kênh T2-6 trạm bơm Chu Đậu phía Nam dự án.

+ Công suất thiết kế: 80 m³/ngày đêm.

+ Vị trí xả thải: 01 điểm đầu nối vào hệ thống thoát nước đường gom cạnh Dự án.

+ Phương thức xả thải: Tự chảy.

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng, nước thải vệ sinh phương tiện vận chuyển và nước thải khác đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá

trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý trước khi tuần hoàn, tái sử dụng cho mục đích vệ sinh phương tiện vận chuyển, phun ẩm công trường; thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực trong giai đoạn triển khai xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Xây dựng, vận hành mạng lưới thu gom, hệ thống xử lý nước thải trước khi đưa Dự án vào vận hành, đảm bảo toàn bộ các nguồn nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý bảo đảm đạt yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A và hệ số K = 1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, QCVN 40:2011/BTNMT (cột A và hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước đầu nối vào hệ thống thoát nước đường gom của khu vực, sau đó chảy ra kênh T2-6 trạm bơm Chu Đậu (kênh phía Nam dự án).

4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Vận chuyển đúng tải trọng xe, phủ bạt kín thùng xe, không chở quá tải trọng quy định.

- Bố trí công nhân vệ sinh thu dọn đất, cát, chất thải,... rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển khi xảy ra sự cố.

- Lắp dựng hàng rào quây tôn cao 2-3m xung quanh khu vực thi công để cách ly, chống bụi.

- Không tập kết quá nhiều nguyên, vật liệu tại khu vực thi công khi chưa có nhu cầu sử dụng đến.

- Bố trí cầu rửa xe khu vực công ra vào công trường để rửa sạch bánh xe, gầm xe trước khi ra khỏi công trường.

- Phun nước tưới đường vận chuyển để chống bụi với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày.

b) Giai đoạn vận hành

- Giảm thiểu bụi và khí thải do các phương tiện giao thông: Định kỳ quét dọn và phun ẩm quăng đường xe di chuyển trong khu vực Công ty nhằm làm giảm lượng bụi phát sinh với tần suất ít nhất 01 lần/ngày; bê tông hoá các tuyến đường chính; trồng cây xung quanh khu vực Dự án.

- Biện pháp thông thoáng nhà xưởng: Lắp đặt quạt thông gió; quạt công nghiệp đứng.

- Công trình xử lý khí thải từ lò hơi:

+ Quy trình xử lý: Khí thải lò hơi → Ống dẫn khí → Cyclone → Quạt hút → Tháp khử bụi ướt (dung dịch sữa vôi) → Ống thoát khí → Môi trường.

+ Công suất hệ thống: 18.000 m³/h.

- Công trình xử lý mùi khu vực sấy:

+ Quy trình xử lý: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Thiết bị hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường

+ Công suất hệ thống: 8.400 m³/h.

- Khí thải từ máy phát điện: Đặt trong khu vực có diện tích phù hợp với công suất của máy phát, có cửa thông gió và quạt thông gió.

- Khí thải từ khu vực nhà bếp: Lắp đặt hệ thống chụp hút, quạt hút và ống khói để hút toàn bộ mùi và khí phát sinh ra bên ngoài.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Giám sát việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành Dự án.

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh trong quá trình vận hành các hạng mục, công trình của Dự án đảm bảo đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, hệ số K_p = 0,9; K_v = 1,0).

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị

- Chất thải rắn do phát quang thảm thực vật: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đất hữu cơ: Lập phương án sử dụng tầng đất mặt trình UBND huyện Nam Sách chấp thuận theo quy định của Luật trồng trọt. Khi được phép tận dụng để trồng cây xanh trong Dự án, trước khi sử dụng phải tập kết tạm thời trong khuôn viên dự án, thực hiện che phủ kín và áp dụng các giải pháp giảm thiểu bụi, kiểm soát nước mưa chảy tràn đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

- Bùn từ hoạt động nạo vét đáy mương, ao: Được tận dụng để trồng cây trong khuôn viên Dự án.

- Chất thải sinh hoạt: Bố trí 03 thùng rác dung tích 60 lít/thùng, có nắp đậy để thu gom, lưu giữ chất thải sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị có chức năng hàng ngày đến thu gom, vận chuyển đến bãi tập kết rác thải của địa phương.

- Chất thải rắn xây dựng: Thực hiện phân loại tại nguồn. Đối với chất thải rắn là vỏ bao, sắt, thép thừa,... có thể tái sử dụng hoặc bán lại cho các đơn vị có chức năng thu mua phế liệu; chất thải còn lại được tập kết tại công trường, phủ bạt che chắn và hợp đồng với đơn vị chức năng để mang đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn từ quá trình lắp đặt máy móc thiết bị: Thu gom, tái sử dụng hoặc bán lại cho các đơn vị có chức năng thu mua phế liệu.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải sinh hoạt: Thực hiện phân loại tại nguồn. Bố trí các thùng chứa HDPE dung tích từ 20-120 lít đặt tại khu văn phòng, nhà ăn và khu vực nhà bếp để lưu chứa tạm thời và tập kết tại kho chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 40m². Hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển mang đi xử lý trong ngày theo đúng quy định.

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Thu gom, phân loại chất thải rắn sản xuất tại nguồn.

+ Bố trí công nhân thu gom chất thải rắn phát sinh trong quá trình sơ chế, bảo quản nông sản (vỏ rau củ quả, rau củ quả bị thối, hỏng) vào cuối mỗi ngày làm việc. Hợp đồng với đơn vị có chức năng tới thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Tần suất 01 lần/ngày, khi vào chính vụ có thể tăng lên 02 lần/ngày.

+ Đối với các loại chất thải khác như bao bì carton, túi nilon,... được thu gom vào kho chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 40 m² để lưu giữ. Hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, xử lý khí thải, hồ ga, bể phốt, bể tách mỡ: Thuê đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, nạo vét, vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 3-6 tháng/lần.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quản lý và sử dụng đất bóc hữu cơ phát sinh từ Dự án đảm bảo tuân thủ quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 quy định chi tiết về đất trồng lúa.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, chứa các thùng chứa có nắp đậy, dán mã CTNH tương ứng và lưu trữ tại kho chứa CTNH tạm thời có diện tích 5,0 m², kho có kết cấu đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải được phân loại tại nguồn, để riêng vào các thùng chứa có dung tích từ 60 - 120 lít và đặt tại kho chứa CTNH có diện tích 40 m². Kho chứa có kết cấu đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định, có cửa ra vào, biển cảnh báo, được trang bị thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

c) *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Đáp ứng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) *Giai đoạn thi công, xây dựng*

- Tuân thủ các quy định về tổ chức thi công; bố trí thời gian thi công hợp lý, hạn chế thi công vào ban đêm.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị và phương tiện thi công.

b) *Giai đoạn vận hành*

- Sử dụng đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra sự mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.

- Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại.

- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn được trang bị nút tai chuyên dụng để giảm tác động của tiếng ồn.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực Dự án để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn, ngăn bụi phát tán ra bên ngoài.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị.

c) *Yêu cầu bảo vệ môi trường*: Đáp ứng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường*

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải:

+ Biện pháp phòng ngừa: Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thu gom và xử lý nước thải để phòng ngừa phát sinh sự cố của hệ thống. Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao để kịp thời thay thế. Trang bị kiến thức cho cán bộ vận hành nắm rõ quy trình vận hành hệ thống, nhận biết các dấu hiệu dẫn đến sự cố và các biện pháp xử lý khi có sự cố xảy ra.

+ Biện pháp ứng phó: Khi phát hiện sự cố của hệ thống xử lý nước thải, dừng ngay việc xả nước thải ra ngoài môi trường, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời tại các bể trong hệ thống để tiến hành khắc phục, sửa chữa. Sau khi sửa chữa và khắc phục xong nước thải được bơm lại bể điều hoà 1 để tục tiếp tục quy trình xử lý. Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa của các bể trong hệ thống thì chủ dự án phải thuê đơn vị có chức năng hút nước thải mang đi xử lý trong thời gian khắc phục.

- Sự cố hệ thống xử lý khí thải lò hơi:

+ Biện pháp phòng ngừa: Bố trí cán bộ có trình độ chuyên môn trực tiếp vận hành, kiểm tra, giám sát hoạt động của các thiết bị xử lý môi trường. Đầu tư dây chuyền công nghệ tiên tiến, xử lý hiệu quả; máy móc thiết bị hiện đại. Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp. Bố trí các thiết bị dự phòng thay thế kịp thời khi hệ thống gặp sự cố. Đề xuất và thực hiện nội quy nhà nồi hơi. Kiểm định định kì, có quy trình vận hành lò hơi được niêm yết tại vị trí vận hành lò hơi.

+ Biện pháp ứng phó: Khi xảy ra sự cố phải dừng hoạt động của lò hơi để có biện pháp xử lý, khắc phục, không để khí thải ch□a qua xử lý thải ra ngoài môi tr□ờng; có cán bộ kỹ thuật chuyên môn kiểm tra bảo d□ỡng vận hành hệ thống; thay thế kịp thời các thiết bị hư hỏng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- *Giám sát không khí xung quanh:*

+ Vị trí giám sát: 03 vị trí (01 điểm tại khu vực cổng ra vào; 01 điểm tại khu vực thi công xây dựng, 01 điểm tại khu vực cuối hướng gió chính).

+ Các thông số giám sát: Bụi, SO₂, CO, NO₂.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

- *Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:*

+ Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

+ Định kỳ chuyển giao chất thải rắn xây dựng (nếu có), chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giai đoạn vận hành

- *Giám sát nước thải:* Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát nước thải theo quy định tại khoản 1, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- *Giám sát khí thải:* Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát khí thải theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

+ Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

+ Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát và quan trắc môi trường theo nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ô nhiễm, sự cố môi trường.

- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Lập thủ tục cấp giấy phép môi trường trình cơ quan có thẩm quyền cấp phép trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với hoạt động của Dự án./.

